| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 3 - NINH BÌNH**<br>Bản án số: 19/2026/HNGĐ-ST<br>Ngày: 23-3-2026<br>*V/v: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.* | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- NINH BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Bùi Khắc Thái; Ông Lương Mạnh Tường.

***Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Văn Bình- Thẩm tra viên Toà án nhân dân Khu vực 3 -Ninh Bình.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Thu Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2026/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2026 về việc:"Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:Bà** Vũ Hoài T **sinh ngày 21/01/1977;** số CCCD: 017177000237; Địa chỉ: Thôn B, xã N, tỉnh Ninh Bình

**- Bị đơn: Ông** Đỗ Cao S**, sinh ngày 01/01/1957;** Số CCCD: 037057008130; Địa chỉ: Thôn B, xã N, tỉnh Ninh Bình.

Bà T, ông S vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 01 năm 2026, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Vũ Hoài T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và Ông Đỗ Cao S kết hôn năm 1997, có thực hiện việc đăng ký tại UBND Thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình nay là xã N, tỉnh Ninh Bình. Tuy nhiên hiện nay giấy đăng ký kết hôn tôi không giữ, tôi có đến xin lại trích lục kết hôn tại UBNX xã N nhưng không tìm được dữ liệu. Sau khi cưới

chúng tôi chung sống với nhau tại Thôn B, xã N cùng gia đình ông S, tuy nhiên hai bên chỉ sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp. Thực tế  chúng tôi đã ly thân nhiều năm nay, nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Đỗ Cao S.

Về con chung: Tôi và ông Đỗ Cao S có 02 con chung là các cháu Đỗ Việt L sinh ngày 08/3/1998, Đỗ Vũ Thùy L1 sinh ngày 23/9/2001. Hiện các cháu đã trưởng thành tự lập nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến ông Đỗ Cao S thể hiện tại bản tự khai ngày 26/01/2026: Tôi và cô Vũ Hoài T kết hôn ngày 29/3/1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thị trấn N nay là xã N, tỉnh Ninh Bình. Từ khi cưới về chung sống thì vợ chồng không có mâu thuẫn gì, đến ngày 11/7/2020 cô T tự bỏ nhà ra đi, đi đâu làm gì tôi không biết, nay cô T yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng thì cô T tự đơn phương làm. Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là các cháu Đỗ Việt L sinh ngày 08/3/1998, Đỗ Vũ Thùy L1 sinh ngày 23/9/2001. Hiện các cháu đã trưởng thành tự lập nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp tôi đi làm xa không về được thì đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tôi.

Tại Biên bản làm việc với Ủy ban nhân dân(UBND) xã Nho Quan ngày 28/01/2026, Ủy ban xác nhận như sau: Theo bà T có cung cấp cho Ủy ban xã và Tòa án thì bà và ông Đỗ Cao S kết hôn năm 1997, có thực hiện việc đăng ký tại UBND Thị trấn N (nay là xã N). Tuy nhiên qua kiểm tra hồ sơ hộ tịch năm 1997 lưu trữ tại địa phương đang quản lý không có thông tin kết hôn giữa bà Vũ Hoài T và ông Đỗ Cao S. Theo tài liệu là giấy kết hôn ông S đã cung cấp cho Tòa án thì thời điểm tháng 3/1997 đúng ông Trương Văn N người đã ký vào giấy đăng ký kết hôn là Phó chủ tịch UBND Thị trấn thời điểm đó. Bà T và ông S sinh sống cùng nhau tại nhà bố mẹ ông S ở thôn B, xã N. Về mâu thuẫn vợ chồng thì ủy ban không nắm được chi tiết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 3-Ninh Bình đã tiến hành giải quyết theo quy định.

Tại đơn xin xử vắng mặt, bà T vẫn giữ quan điểm như đơn khởi kiện và bản tự khai là đề nghị tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông Đỗ Cao S.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Do bị đơn có nơi cư trú tại xã N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Ninh Bình thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *"Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng"* là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát:* Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ:* Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Đề nghị HĐXX: Căn cứ điều điều 5, 147, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, điều 14, điều 15, khoản 2 điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu khởi kiện của bà Vũ Hoài T. Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Vũ Hoài T và ông Đỗ Cao S.

2. Về án phí ly hôn: Bà Vũ Hoài T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1]. Về thủ tục tố tụng:**

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật "Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân Khu vực 3-Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về hôn nhân: Bà Vũ Hoài T và ông Đỗ Cao S về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, cả hai bên thừa nhận có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn N nay là xã N, tỉnh Ninh Bình. Ông S có xuất trình đăng ký kết hôn giữa ông và bà Vũ Hoài T tuy nhiên năm sinh của ông S và bà T tại giấy chứng nhận kết hôn này không đúng như năm sinh của ông S và bà T tại Căn cước công dân. Mặt khác qua kiểm tra hồ sơ hộ tịch năm 1997 lưu trữ tại địa phương đang quản lý không có thông tin kết hôn giữa bà Vũ Hoài T và ông Đỗ Cao S. Như vậy ông S và bà T sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là trái quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay bà T yêu cầu Tuyên bố không công nhận vợ chồng với ông S là phù hợp với quy định tại Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về nuôi con chung: Bà T và ông S đều xác định ông bà có 02 con chung là các cháu Đỗ Việt L sinh ngày 08/3/1998, Đỗ Vũ Thùy L1 sinh ngày 23/9/2001, hiện cả hai cháu đã trưởng thành, tự lập nên không đặt ra việc xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Vũ Hoài T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các điều 147, 227, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Hoài T.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Vũ Hoài T và ông Đỗ Cao S.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Hoài T phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000232 ngày 14/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể nhận được bản án.

| | |
|---|---|
| **Nơi nhận:**<br>*- Các đương sự;*<br>*- TAND tỉnh Ninh Bình;*<br>*- VKSND Khu vực 3 – Ninh Bình;*<br>*- Thi hành án DS tỉnh Ninh Bình;*<br>*- UBND xã Nho Quan*<br>*- Lưu hồ sơ vụ án.* | **T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**<br>**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**<br><br><br><br>Nguyễn Thị Hương Quỳnh |